



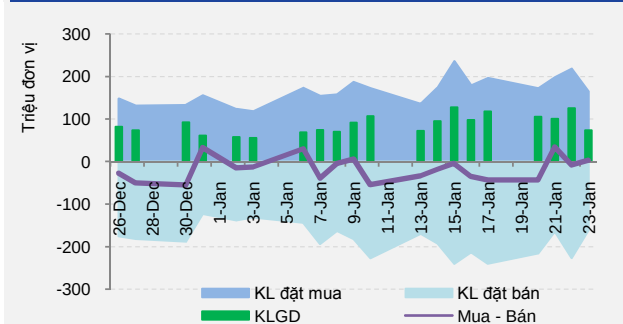
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 23/1/2014

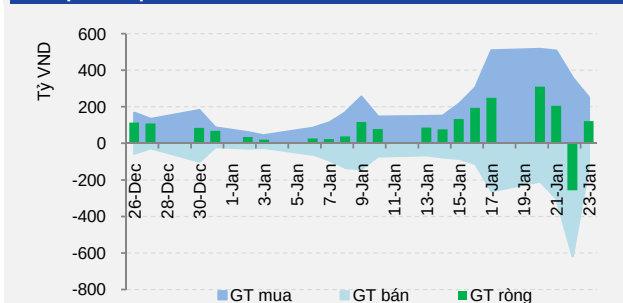
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	553.6	73.4
% Thay đổi	↑ 0.3%	↑ 0.0%
KLGD (CP)	73,716,290	31,443,302
GTGD (tỷ đồng)	1,214.72	271.71
Tổng cung (CP)	161,197,530	57,554,300
Tổng cầu (CP)	164,793,830	66,488,000

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	2,384,240	1,012,080
KL mua (CP)	9,894,540	1,206,500
GTmua (tỷ đồng)	252.63	19.38
GT bán (tỷ đồng)	130.39	18.57
GT ròng (tỷ đồng)	122.24	0.81

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 2.53%	8.1	1.9	2.8%
Công nghiệp	↑ 1.33%	164.3	1.2	20.5%
Dầu khí	↑ 1.19%	9.7	1.8	5.0%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.25%	15.4	2.0	1.6%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.22%	9.4	2.8	1.0%
Hàng Tiêu dùng	↑ 1.18%	13.1	5.2	12.0%
Ngân hàng	↑ 0.18%	11.5	1.3	8.7%
Nguyên vật liệu	↓ -1.75%	10.8	2.2	8.8%
Tài chính	↓ -1.11%	18.5	2.6	34.1%
Tiện ích Cộng đồng	↑ 0.66%	10.3	3.8	5.6%
VN - Index	↑ 0.30%	13.1	3.1	81.7%
HNX - Index	↑ 0.03%	17.7	1.6	18.3%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE

	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	2,076,580	2.8%	957,350	1.3%
GTGD (triệu VND)	42,909	3.5%	22,855	1.9%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Chỉ số VN-Index tăng điểm trở lại khi giảm gần ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật 550 điểm, HNX-Index cũng tăng điểm trở lại khi tiếp cận ngưỡng hỗ trợ 72 điểm. Dòng tiền tập trung hơn vào nhóm cổ phiếu midcap, cổ phiếu penny thuộc ngành BĐS và một số cổ phiếu Bluechips đã chịu áp lực bán trong 2 phiên giao dịch vừa qua. Nhóm cổ phiếu Ngân hàng cũng có diễn biến tích cực, kỳ vọng phiên chào sàn của cổ phiếu BID vào ngày mai. Tuy nhiên diễn biến dao động hẹp với thanh khoản thấp cho thấy quan điểm thận trọng của nhà đầu tư vẫn phổ biến, đặc biệt khi kỳ nghỉ Tết Nguyên đán đang đến gần.

Về quan điểm kỹ thuật, chỉ số VN-Index đang phản ứng với ngưỡng cản kỹ thuật 560 điểm (giao điểm của đường thẳng nối đỉnh của VN-Index trong 2 năm 2012-2013 và mức phục hồi 61.8% của đường Fibonacci Projection về từ xu hướng tăng giá cuối năm 2012), HNX-Index phản ứng với ngưỡng cản 74 điểm. Diễn biến điều chỉnh sau nhiều phiên tăng nóng, dòng tiền tham gia thị trường vẫn tích cực chưa cho tín hiệu xấu về xu hướng. Sự xoay vòng của dòng tiền giữa từng nhóm cổ phiếu dự báo sẽ giúp mức độ điều chỉnh của thị trường chung không nhiều. Mốc hỗ trợ khá mạnh của chỉ số VN-Index là khoảng 540-550 điểm, HNX-Index là khoảng 72 điểm.

Nhà đầu tư nên tiếp tục nắm giữ cổ phiếu, khi xu hướng tăng điểm của thị trường vẫn đang duy trì. Việc lựa chọn cổ phiếu nên quan tâm đến yếu tố cơ bản, thuộc ngành nghề được đánh giá triển vọng như dầu khí, xuất khẩu, xây dựng, VLXD, BĐS, được dòng tiền quan tâm.

- VN-Index tăng 1.63 điểm (0.30%), lên 553.54 điểm. Mức thấp nhất trong phiên là 550.52 điểm.

- HNX-Index tăng 0.03 điểm (0.04%), lên 73.44 điểm. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 73.21 điểm.

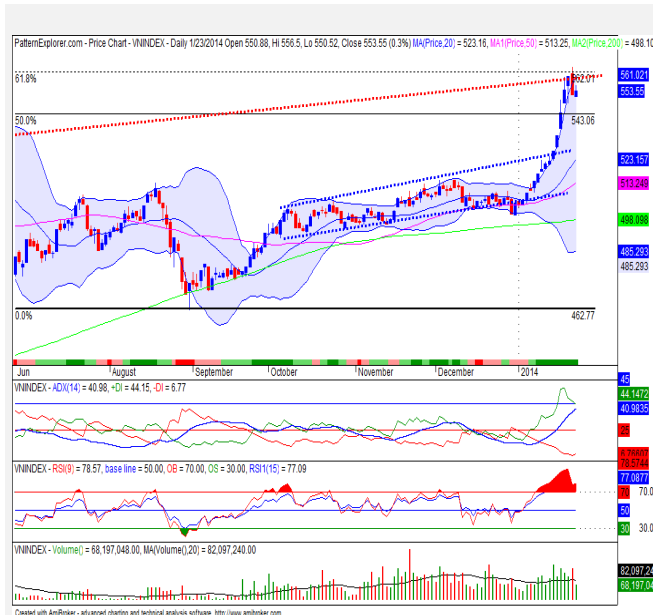
- Cuối năm 2013, nợ xấu toàn hệ thống Ngân hàng là 3.79% tổng dư nợ, giảm gần 1% so với đầu năm 2013. Số nợ xấu đã được mua vào qua VAMC khoảng gần 40 nghìn tỷ đồng. Năm 2014 NHNN sẽ tiếp tục xử lý nhanh hơn các khoản nợ xấu, xử lý có kết quả các khoản nợ này để đưa tỷ lệ nợ xấu toàn hệ thống xuống mức phù hợp. Đồng thời, triển khai các giải pháp hạn chế nợ xấu phát sinh trong tương lai, không thực hiện cơ cấu lại nợ và các biện pháp nghiệp vụ khác để che giấu nợ xấu hoặc làm sai lệch chất lượng tín dụng.

- Trong năm 2013, mặt bằng lãi suất giảm 3-5%/năm, tương đương mức lãi suất trong các năm 2005-2006. Cuối năm 2013, trần lãi suất huy động kỳ hạn dưới 6 tháng đã giảm về mức 7%/năm, trần lãi suất cho vay đối với 5 lĩnh vực ưu tiên là 9%/năm, tỉ trọng những khoản cho vay có lãi suất đến 13%/năm chiếm khoảng 75%. Năm 2014, NHNN định hướng kiểm soát tổng phương tiện thanh toán tăng 16-18%, tín dụng tăng 12-14% và có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình kinh tế. Với mức lạm phát năm 2014 mục tiêu khoảng 7%, NHNN phát tín hiệu về chủ trương duy trì mặt bằng lãi suất như hiện nay, nhưng yêu cầu các TCTD cố gắng giảm lãi suất cho vay thêm 1-2% nhằm hỗ trợ doanh nghiệp.

- Fitch Ratings vừa thông báo giữ nguyên xếp hạng nhà phát hành (IDR) nội và ngoại tệ dài hạn của Việt Nam ở mức "B+" đồng thời nâng triển vọng tín nhiệm từ "ổn định" lên "tích cực". Động thái nâng triển vọng tín nhiệm của Fitch cho thấy bức tranh kinh tế vĩ mô của Việt Nam ngày càng ổn định và nền kinh tế đã bắt đầu phục hồi. Fitch dự báo tăng trưởng GDP thực của Việt Nam sẽ đạt lần lượt 5.7% và 5.9% trong hai năm 2014 và 2015 sau đã mở rộng 5.4% trong năm 2013.



VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index tăng 1.63 điểm (0.30%), lên 553.54 điểm. Mức thấp nhất trong phiên là 550.52 điểm.

- KLGD giảm 40% so với phiên trước, xuống 68 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 tăng nhẹ lên mức 77 điểm, tâm lý thị trường vẫn khá thận trọng. Chỉ báo MACD 9 ngày duy trì khoảng cách phía trên đường tín hiệu, vẫn cho chỉ báo về xu hướng tăng.

Nhận định: Chỉ số VN-Index tăng điểm trở lại khi giảm gần ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật 550 điểm. Dòng tiền tập trung hơn vào nhóm cổ phiếu midcap, cổ phiếu penny thuộc ngành BĐS và một số cổ phiếu Bluechips đã chịu áp lực bán trong 2 phiên giao dịch vừa qua. Nhóm cổ phiếu Ngân hàng cũng có diễn biến tích cực, kỳ vọng phiên chào sàn của cổ phiếu BID vào ngày mai. Tuy nhiên diễn biến dao động hẹp với thanh khoản thấp cho thấy quan điểm thận trọng của nhà đầu tư vẫn phổ biến, đặc biệt khi kỳ nghỉ Tết Nguyên đán đang đến gần.

Về quan điểm kỹ thuật, chỉ số VN-Index đang phản ứng với ngưỡng cản kỹ thuật 560 điểm (giao điểm của đường thẳng nối đỉnh của VN-Index trong 2 năm 2012-2013 và mức phục hồi 61.8% của đường Fibonacci Projection về từ xu hướng tăng giá cuối năm 2012). Diễn biến điều chỉnh sau nhiều phiên tăng nóng, dòng tiền tham gia thị trường vẫn tích cực chưa cho tín hiệu xấu về xu hướng. Diễn biến xoay vòng của dòng tiền dự báo giúp mức độ điều chỉnh của thị trường chung không nhiều. Mốc hỗ trợ khá mạnh của chỉ số VN-Index là khoảng 540-550 điểm.

HNX-INDEX

- HNX-Index tăng 0.03 điểm (0.04%), lên 73.44 điểm. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 73.21 điểm.

- KLGD giảm 44% so với phiên giao dịch trước, xuống 30 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI 14 đi ngang ở mức 78 điểm, tâm lý nhà đầu tư thận trọng hơn. Chỉ báo MACD 9 ngày vẫn dao động phía trên đường tín hiệu, dù khoảng cách đang thu hẹp lại.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tăng điểm nhẹ trở lại nhờ diễn biến tích cực tại nhóm cổ phiếu ngân hàng, kỳ vọng phiên chào sàn của cổ phiếu BID. Nhóm cổ phiếu tài chính, BĐS, dầu khí cũng tăng điểm nhẹ sau một vài phiên điều chỉnh.

Chỉ số HNX-Index vẫn đang trong diễn biến điều chỉnh tích lũy, phản ứng với ngưỡng cản kỹ thuật 74 điểm và đường biên trên của dải Bollinger Bands. Chỉ số chung dao động hẹp với thanh khoản thấp cho thấy quan điểm thận trọng của nhà đầu tư vẫn phổ biến, đặc biệt khi kỳ nghỉ Tết Nguyên đán đang đến gần. Tuy nhiên diễn biến điều chỉnh sau nhiều phiên tăng nóng, dòng tiền tham gia thị trường vẫn tích cực chưa cho tín hiệu xấu về xu hướng. Diễn biến xoay vòng của dòng tiền dự báo giúp mức độ điều chỉnh của thị trường chung không nhiều. Mốc hỗ trợ của chỉ số HNX-Index là khoảng 72 điểm.

Nhà đầu tư nên tiếp tục nắm giữ cổ phiếu, khi xu hướng tăng điểm của thị trường vẫn đang duy trì. Việc lựa chọn cổ phiếu nên quan tâm đến yếu tố cơ bản, thuộc ngành nghề được đánh giá triển vọng như dầu khí, xuất khẩu, xây dựng, VLXD, BĐS, được dòng tiền quan tâm.

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q4.2013 SO VỚI CÙNG KỲ 2012

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	TC6	HNX	1187.01	-9.2%	97.17	1690.3%	4262.51	5.9%	59.07	34.3%	126.0%	4.11
2	SAP	HNX	3.79	198.4%	0.59	1575.0%	14.97	22.6%	1.58	54.9%	105.3%	0.18
3	HAS	HOSE	35.67	198.0%	3.22	1510.0%	83.08	-35.0%	3.5	-29.3%	87.5%	21.72
4	THT	HNX	584.4	25.0%	25.11	655.5%	1887.29	19.8%	34.45	83.0%	146.2%	1.93
5	PXS	HOSE	327.59	75.8%	27.21	604.9%	1009.34	-15.7%	76.39	13.3%	77.4%	11.13
6	LUT	HNX	59.97	35.3%	2.16	468.4%	146.74	-14.6%	3.16	-4.2%	31.6%	0.06
7	SCJ	HNX	103.74	44.2%	7.14	466.2%	320.01	27.3%	7.63	164.4%	129.3%	0.81
8	BGM	HOSE	7.62	124.8%	0.5	400.0%	15.11	340.5%	0.13	-81.9%	0.2%	0.33
9	SCL	HNX	93.23	857.2%	22.19	382.3%	213.26	217.7%	37.57	547.8%	225.6%	-
10	MDC	HNX	535.59	-13.8%	60.15	367.7%	1534.51	-2.2%	28.75	9.7%	103.7%	17.73

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN 2013 SO 2012

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	SVT	HOSE	15.21	1.5%	-0.83	-220.3%	77.18	2.9%	2.64	1100.0%	44.9%	-
2	APG	HNX	4.67	183.0%	2.87	171.4%	11.83	54.6%	4.81	1073.2%	74.0%	0.04
3	VE2	HNX	28.23	216.1%	2.85	256.3%	39.36	63.6%	3.51	932.4%	129.0%	0.01
4	SCL	HNX	93.23	857.2%	22.19	382.3%	213.26	217.7%	37.57	547.8%	225.6%	-
5	KLS	HNX	40.5	-12.9%	40.73	-35.5%	167.65	-30.6%	138.34	541.4%	34.2%	5.37
6	LGC	HOSE	85.4	155.7%	9.01	292.5%	211.9	46.8%	4.49	434.5%	42.8%	0.25
7	FIT	HNX	2.48	0.0%	16.09	0.0%	37.1	104.5%	34.1	291.5%	144.1%	0.06
8	KAC	HOSE	3.43	42.9%	0.91	102.1%	13.91	-95.1%	1.64	256.5%	10.9%	0.28
9	QCC	HNX	8.74	120.2%	1.13	16.5%	11.13	11.3%	0.4	233.3%	33.3%	0.60
10	NDN	HNX	22.88	-49.1%	2.42	-3.6%	132.33	-5.3%	19.17	165.1%	154.2%	0.09

TOP CỔ PHIẾU LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 2013 CAO NHẤT

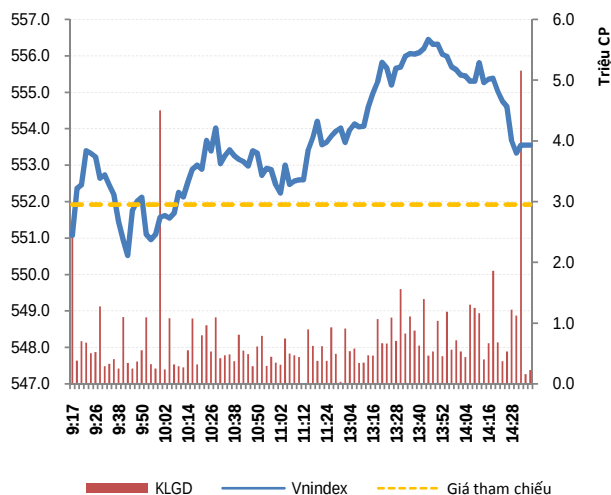
STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	LAS	HNX	612.36	-25.0%	121.83	56.4%	4768.48	6.1%	447.23	13.5%	137.1%	11.69
2	CSM	HOSE	801.19	5.1%	102.91	52.1%	3133.79	3.0%	360.64	42.1%	174.9%	12.60
3	PGD	HOSE	1653.6	15.7%	6.29	-55.9%	6422.14	17.0%	209.1	-8.3%	161.5%	3.81
4	KLS	HNX	40.5	-12.9%	40.73	-35.5%	167.65	-30.6%	138.34	541.4%	34.2%	5.37
5	CNG	HOSE	240.84	3.4%	29.28	9.3%	949.78	18.5%	123.91	5.1%	102.8%	27.65
6	HGM	HNX	40.87	-8.1%	18.13	-50.4%	165.76	-9.4%	87.26	-36.9%	97.0%	0.90
7	BVS	HNX	54.06	9.2%	7.1	296.6%	207.36	-0.6%	85.7	10.8%	147.4%	3.25
8	HHS	HOSE	151.74	7.3%	23.05	6.4%	498.95	7.8%	82.05	17.4%	102.6%	0.03
9	PXS	HOSE	327.59	75.8%	27.21	604.9%	1009.34	-15.7%	76.39	13.3%	77.4%	11.13
10	NNC	HOSE	89.29	0.4%	13.05	-54.8%	323.25	15.4%	72.07	-7.2%	128.5%	21.29
11	CLC	HOSE	454.75	21.4%	15.51	-28.5%	1602.04	16.1%	71.24	46.2%	190.0%	3.71
12	BTP	HOSE	86.9	-82.9%	-10.14	-121.5%	1140.15	-20.3%	70.43	-48.0%	130.9%	1.68

Ghi chú: Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 20/01/2014

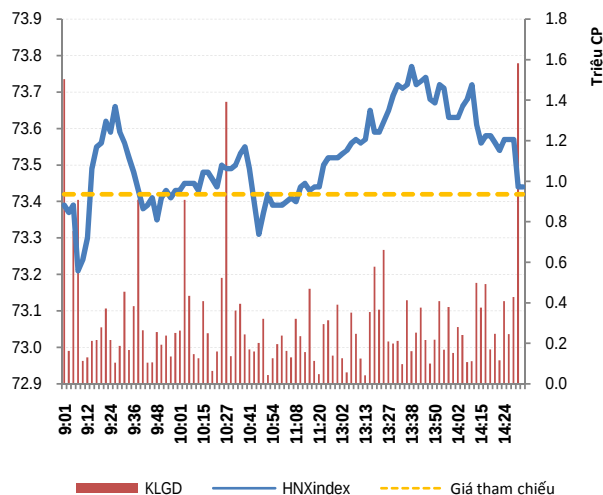


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

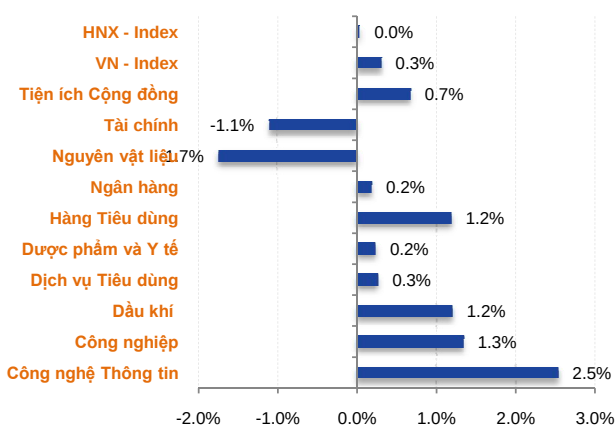
KLGD và VN-Index trong phiên



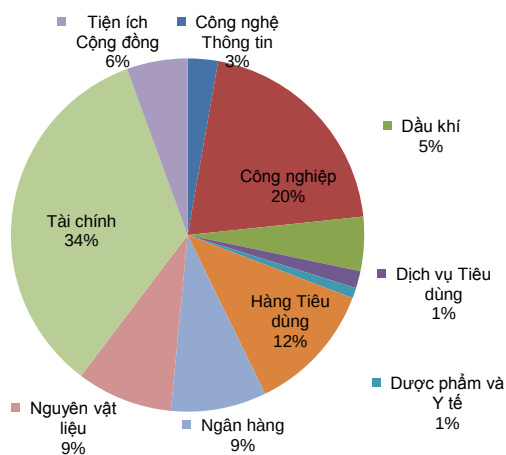
KLGD và HNX-Index trong phiên



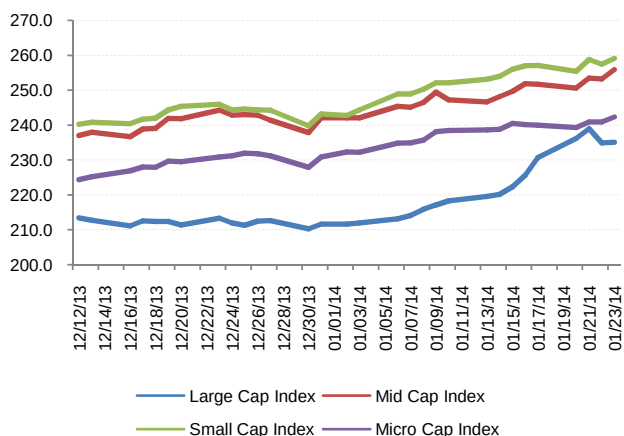
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



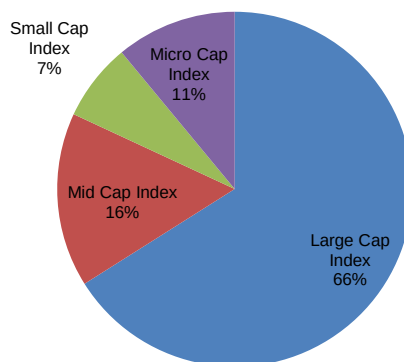
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
 Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	BMI	4,259,630	HPG	325,180
2	VCB	756,390	BVH	123,780
3	STB	306,190	MSN	86,730
4	HAG	277,280	GAS	80,000
5	ITA	257,530	VHG	75,000

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHB	265,400	SCR	120,100
2	API	147,300	PVS	95,900
3	VCG	70,900	BVS	73,500
4	KLS	60,200	AAA	60,000
5	LAS	31,500	VND	41,100

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	7.3	7.3	→ 0.00%	6,919,490
FLC	8.9	9.0	↑ 1.12%	4,903,790
BMI	13.0	13.9	↑ 6.92%	4,357,260
SSI	20.9	21.0	↑ 0.48%	3,437,950
OGC	11.0	11.5	↑ 4.55%	3,055,870

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHN	3.9	4.2	↑ 7.69%	3,196,531
SHB	7.2	7.2	→ 0.00%	2,807,317
PVX	2.6	2.8	↑ 7.69%	2,664,386
PVL	2.5	2.6	↑ 4.00%	1,968,200
ORS	2.0	2.2	↑ 10.00%	1,624,400

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
BMI	13.0	13.9	0.9	↑ 6.92%
VNG	7.3	7.8	0.5	↑ 6.85%
NHS	11.7	12.5	0.8	↑ 6.84%
FMC	14.8	15.8	1.0	↑ 6.76%
HSI	4.5	4.8	0.3	↑ 6.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ORS	2.0	2.2	0.2	↑ 10.00%
VBH	14.0	15.4	1.4	↑ 10.00%
VE4	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
C92	13.1	14.4	1.3	↑ 9.92%
CMI	11.1	12.2	1.1	↑ 9.91%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CTI	10.0	9.3	-0.7	↓ -7.00%
VNL	18.0	16.8	-1.2	↓ -6.67%
BRC	10.7	10.0	-0.7	↓ -6.54%
SC5	21.4	20.0	-1.4	↓ -6.54%
HPG	50.5	47.2	-3.3	↓ -6.53%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
INC	5.0	4.5	-0.5	↓ -10.00%
NPS	12.1	10.9	-1.2	↓ -9.92%
HPS	4.4	4.0	-0.4	↓ -9.09%
SDU	6.6	6.0	-0.6	↓ -9.09%
BTH	3.7	3.4	-0.3	↓ -8.11%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	6,919,490	0.2%	26	283.8	0.6
FLC	4,903,790	6.3%	990	9.1	0.6
BMI	4,357,260	3.9%	1,146	12.1	0.5
SSI	3,437,950	9.9%	1,471	14.3	1.4
OGC	3,055,870	-1.8%	(196)	-	1.1

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHN	3,196,531	-135.7%	(2,464)	-	5.1
SHB	2,807,317	17.1%	1,884	3.8	0.6
PVX	2,664,386	-92.1%	(5,013)	-	0.7
PVL	1,968,200	-4.9%	(526)	-	0.3
ORS	1,624,400	-84.1%	(4,875)	-	0.7

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
BMI	↑ 6.9%	3.9%	1,146	12.1	0.5
VNG	↑ 6.8%	0.2%	16	473.0	0.7
NHS	↑ 6.8%	17.2%	2,754	4.5	0.6
FMC	↑ 6.8%	16.7%	2,952	5.4	0.8
HSI	↑ 6.7%	-22.6%	(2,632)	(1.8)	0.5

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
ORS	↑ 10.0%	-84.1%	(4,875)	-	0.7
VBH	↑ 10.0%	0.2%	21	722.3	1.4
VE4	↑ 10.0%	8.6%	1,229	7.2	0.6
C92	↑ 9.9%	16.8%	2,224	6.5	1.0
CMI	↑ 9.9%	18.0%	1,763	6.9	1.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
BMI	4,259,630	3.9%	1,146	12.1	0.5
VCB	756,390	9.8%	1,757	16.7	1.6
STB	306,190	5.4%	703	29.7	1.6
HAG	277,280	5.9%	1,095	19.7	1.2
ITA	257,530	0.2%	26	283.8	0.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	265,400	17.1%	1,884	3.8	0.6
API	147,300	-37.3%	(4,505)	-	1.0
VCG	70,900	3.4%	403	27.8	0.9
KLS	60,200	5.5%	716	13.1	0.7
LAS	31,500	34.3%	5,746	7.8	2.5

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	143,073	40.9%	6,696	11.3	4.3
VNM	117,519	40.5%	8,053	17.5	7.0
MSN	69,082	2.7%	553	169.9	5.2
VIC	68,669	47.1%	6,710	11.3	4.3
VCB	67,900	9.8%	1,757	16.7	1.6

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,836	7.5%	1,027	15.7	1.2
PVS	12,552	17.3%	2,872	9.8	1.6
SQC	8,602	-1.5%	(188)	-	6.4
SHB	6,380	17.1%	1,884	3.8	0.6
OCH	5,500	5.9%	687	40.0	2.6

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
CLG	4.07	12.5%	1,402	6.6	0.8
HAR	2.95	3.3%	338	22.8	0.7
DRH	2.93	0.6%	62	46.7	0.3
DHC	2.67	12.8%	1,803	5.8	0.7
BVH	2.59	9.0%	1,618	28.4	2.6

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TTZ	9.19	-0.2%	(21)	-	0.5
SHN	4.87	-135.7%	(2,464)	-	5.1
GGG	4.78	256.0%	(6,685)	-	(0.5)
V15	4.50	-30.9%	(3,026)	-	0.3
QCC	4.45	1.9%	268	11.5	0.2



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)